

SUY NGHĨ VỀ CÁC CÂY ĐẠI THỤ TRONG LÀNG LÝ LUẬN KINH TẾ

PHẠM VĂN CHIẾN

Khoa Kinh tế, ĐHTH Hà Nội

Mỗi môn khoa học có được như ngày nay là sự đóng góp của hàng trăm các nhà khoa học. Trong mỗi khoa học đều có ít cây đại thụ. Đó là những học thuyết khoa học lớn nhất, còn các học thuyết khác chỉ như những cành, những nhánh hoặc những cây con. Thí dụ: Niu-tơn, Anhxtanh... là những cây đại thụ trong lĩnh vực vật lý. Đác-uyn, Mendel.. là những cây đại thụ trong lĩnh vực sinh học... Trong khoa học lý luận kinh tế cũng có những cây đại thụ như vậy.

Mỗi một học thuyết kinh tế đều có một vị trí lịch sử của nó, các nhà kinh tế đều trở thành vĩ đại khi họ giải đáp được vấn đề mà thời đại họ đặt ra. Học thuyết của họ đại biểu cho một xu hướng, khuynh hướng, một giai đoạn phát triển của khoa học kinh tế. Theo Sammuelson, đại biểu cho các thế kỷ 18, 19, 20, là các học thuyết của Adam Smit, Các Mác, Keynes [1]. Đó là các cây đại thụ của ba thế kỷ đó, từ đây người ta hiểu rằng đó cũng là những cây đại thụ trong làng lý luận kinh tế. Vì khoa học lý luận kinh tế (kinh tế chính trị) chính thức được xác định từ học thuyết của Adam Smit.

Việc xem xét vị trí của các học thuyết kinh tế được dựa trên nhiều tiêu chuẩn và mỗi một thang tiêu chuẩn đó các học thuyết kinh tế có thể có vị trí khác nhau. Chúng tôi cho rằng việc xem xét vị trí của một học thuyết kinh tế trước hết và cơ bản nhất được dựa trên những tiêu chuẩn của một môn khoa học độc lập. Đó là căn cứ vào đối tượng nghiên cứu, hệ thống phương pháp nghiên cứu và hệ thống quy luật và phạm trù do việc nghiên cứu phát hiện ra.

Trước Adam Smit, kinh tế chính trị mới chỉ là những mẫm mống. Gắn gũi hơn cả là phái trọng thương và phái trọng nông. Phái trọng thương là người đầu tiên xác định đối tượng của kinh tế chính trị, theo họ môn kinh tế chính trị là một môn khoa học nghiên cứu về của cải và phương thức làm tăng của cải. Với quan niệm này kinh tế chính trị đã có được đối tượng nghiên cứu riêng tách khỏi đối tượng nghiên cứu của các môn khoa học khác, phương pháp nghiên cứu của họ còn dừng lại ở kinh nghiệm, mô tả. Họ xa lạ với quy luật và không thừa nhận quy luật, vì vậy ở phái trọng thương kinh tế chính trị vẫn chưa trở thành một môn khoa học độc lập.

Tiếp tục phát triển kinh tế chính trị là U. Petty, Boaghimbe và phái trọng nông. Họ kế thừa quan niệm về đối tượng kinh tế chính trị của phái trọng thương, nhưng việc nghiên cứu về của cải theo họ không dừng lại ở lĩnh vực lưu thông (trao đổi) như phái trọng thương, mà còn được mở sang cả lĩnh vực sản xuất trực tiếp. Họ cho rằng, của cải được sinh ra trong lĩnh vực sản xuất và nó được di chuyển trong lĩnh vực lưu thông. Đối tượng nghiên cứu về của cải đã được mở rộng, đã kéo theo sự phát triển của phương pháp nghiên cứu. Họ không còn dừng lại ở kinh nghiệm, đi sâu nghiên cứu những mối liên hệ tất yếu ổn định bên trong các hiện tượng kinh tế, vì vậy họ đã sử dụng phổ biến phương pháp trừu tượng. Họ đã thừa nhận quy luật và phát hiện ra một số quy luật kinh tế.

Với sự phát triển mang tính cách mạng trên, Petty, Boaghimbe, phái trọng nông được coi là người cha của kinh tế chính trị. Mặc dù vậy khoa học kinh tế chính trị vẫn chưa chính thức trở thành một khoa học độc lập vì đến họ vẫn chưa có một hệ thống những quy luật và phạm trù kinh tế. Ở họ mới có một số ít quy luật kinh tế và những mầm mống của các phạm trù kinh tế.

Adam Smit đã kế thừa những tinh hoa của phái trọng thương và phái trọng nông. Ông đã mở rộng việc nghiên cứu về của cải, không dừng lại ở lĩnh vực sản xuất và trao đổi (lưu thông) mà còn bao gồm cả lĩnh vực thu nhập, thậm chí theo ông vấn đề thu nhập là nhiệm vụ hàng đầu của kinh tế chính trị. Đến Adam Smit việc nghiên cứu về của cải đã có lĩnh vực rộng khắp và tương đối hoàn chỉnh [2]. Đó là quá trình sản xuất, trao đổi, phân phối về của cải (thu nhập là hình thái của phân phối). Quan niệm về đối tượng kinh tế chính trị như vậy về cơ bản vẫn thống trị cho tới nay. Nói cách khác, đến Adam Smit đối tượng của kinh tế chính trị đã được xác định một cách dứt khoát, điều này có vai trò quan trọng trong lĩnh vực xác định hệ thống phương pháp nghiên cứu kinh tế.

Nếu phái trọng thương chỉ mới dừng lại ở cái bên ngoài thì phái trọng nông đã đi đến chỗ thừa nhận cái bên trong của quan hệ kinh tế. Adam Smit đã kế thừa tinh thần ở cả hai phái đó, theo ông, các quan hệ kinh tế đều có hai mặt, bên trong và bên ngoài (hay cái bên trong và bên ngoài của các quan hệ kinh tế). Ông đặt cho mình nhiệm vụ, một mặt mô tả những quan hệ kinh tế như nó đã thể hiện ra ở bên ngoài qua cạnh tranh, mặt khác vạch rõ những mối liên hệ nội tại, bên trong các quan hệ kinh tế. Nhưng ở ông cái bên trong và cái bên ngoài được đặt ngang hàng nhau, không quan hệ nội tại với nhau. Một quan hệ kinh tế lại chia ra như hai quan hệ kinh tế, độc lập và thường xuyên mâu thuẫn với nhau [3]. Vì vậy khi trình bày cái bên trong và cái bên ngoài nằm cạnh nhau và không có quan hệ quy định lẫn nhau. Điều này đã làm cơ sở cho một số học thuyết kinh tế sau, chỉ thừa nhận cái bên ngoài và nghiên cứu cái bên ngoài. Đồng nhất cái bên ngoài của quan hệ kinh tế với quan hệ kinh tế và đi đến xu hướng thực chứng.

Adam Smit cũng thừa hưởng phương pháp nghiên cứu của phái trọng thương và phái trọng nông, ở ông đã hình thành hai hệ thống phương pháp nghiên cứu. Các phương pháp nghiên cứu bên ngoài gồm các phương pháp như: mô tả, phân loại, thống kê... và các phương pháp nghiên cứu bên trong: phân tích, trừu tượng hóa, khái quát...

Ở Adam Smit việc nghiên cứu của cải đã vượt ra ngoài lĩnh vực kinh tế cụ thể, đã nghiên cứu của cải dưới góc độ toàn bộ quá trình sản xuất. Điều này đã làm cho một loạt các khái niệm kinh tế đã vượt qua ngoài phạm vi chật hẹp của một lĩnh vực cụ thể, trở thành các khái niệm chung cho toàn bộ quá trình sản xuất hay trở thành các phạm trù kinh tế. Các quy luật kinh tế cũng vượt ra ngoài lĩnh vực cụ thể và trở thành những quy luật kinh tế phổ biến. Vì vậy, lần đầu tiên trong lịch sử khoa học kinh tế đã hình thành một hệ thống các quy luật và phạm trù kinh tế. Đây cũng là điểm nút để khoa kinh tế chính trị chính thức trở thành một khoa học độc lập.

Đến Adam Smit, tất cả những tiêu chuẩn nêu trên đã định hình một cách rõ rệt vì vậy những người đi sau ông, chỉ làm triệt để hơn những khuynh hướng trong học thuyết của ông hay chỉ phát triển một mặt nào đó, một xu hướng nào đó trong học thuyết kinh tế của ông. Điều đó chứng tỏ Adam Smit xứng đáng là cây đại thụ đầu tiên trong làng lý luận kinh tế.

Gần một thế kỷ sau, học thuyết kinh tế của Các Mác đã xuất hiện, đó là người kế thừa xuất sắc nhất những tư tưởng kinh tế của Smit và sự phát triển của khoa học kinh tế gần một thế kỷ sau Smit. Các Mác đã phát triển học thuyết kinh tế của Smit một cách toàn diện và triệt để, đã nâng khoa học kinh tế chính trị lên đỉnh cao mới. Nếu trong học thuyết kinh tế của Smit, cái bên

trong và cái bên ngoài của hệ thống kinh tế không quan hệ nội tại với nhau, còn ở Ri các đô trụ tiếp thống nhất hai cái đó (có thể nói là đồng nhất), thì ở học thuyết kinh tế của Các Mác cái bên trong và cái bên ngoài đã có quan hệ nội tại với nhau. Cái bên trong là cái bản chất, trừu tượng sâu sắc, quy định sự vận động của cái bên ngoài. Cái bên ngoài là hình thái thể hiện cái bên trong. Từ cái sâu sắc nhất, bản chất nhất, trừu tượng nhất của quan hệ kinh tế dần dần từng bước, từng bước tiến tới cái nổi bật ra ở các hình thái bên ngoài thông qua cạnh tranh trong đời sống kinh tế hiện thực. Từ cái bên trong ra cái bên ngoài đã tạo thành nhiều tầng, nhiều lớp. Mỗi lớp là một khâu trung gian cần thiết và được phản ánh qua các phạm trù và quy luật kinh tế. Thông qua mỗi tầng, mỗi lớp, mỗi khâu mà các phạm trù và quy luật kinh tế được chuyển hóa. Từ quan hệ kinh tế sâu xa nhất đến cái nổi bật nhất đã tạo thành một hệ thống chặt chẽ các quy luật và phạm trù kinh tế. Mặt khác, mỗi một tầng, lớp có sự độc lập tương đối với nhau. Không phải chỉ có sự độc lập tương đối giữa cái bên trong và cái bên ngoài mà mỗi lớp của cái bên trong hay cái bên ngoài cũng có sự độc lập tương đối. Đó là những hệ thống nhỏ trong hệ thống lớn, vì vậy người ta có thể tách nó thành những phần riêng, phát triển riêng nó mà không thừa nhận cái hệ thống khác.. Hoặc cùng một quan hệ nhưng ở mỗi tầng, mỗi lớp lại được biểu hiện khác nhau, vì vậy người ta cũng có thể có nhận xét là mỗi tầng, mỗi lớp các khái niệm mâu thuẫn?

Như vậy đối tượng kinh tế chính trị đã được Các Mác phát triển về mặt cấu trúc của các quan hệ kinh tế thông qua đó Các Mác đã phân tích mối quan hệ biện chứng giữa các quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng [4].

Trong việc xác định đối tượng kinh tế chính trị của Smit và các phái trước Các Mác, các quan hệ kinh tế được xem xét lúc thì là quan hệ giữa người với người, lúc lại được xem dưới góc độ là quan hệ giữa người và vật. Kinh tế chính trị chưa rút khoát là một khoa học xã hội. Đến Các Mác, các quan hệ sản xuất đã trở thành đối tượng của kinh tế chính trị. Đó là quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất ra của cải. Lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng cũng được nghiên cứu trong chừng mực để làm rõ mối quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất ra của cải.

Có thể nói lần đầu tiên trong lịch sử khoa học kinh tế, phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử được sử dụng thành công. Đó là một hệ thống phương pháp nghiên cứu các quan hệ kinh tế có hiệu quả.

Đến Các Mác, hệ thống phạm trù và các quy luật kinh tế đã có mối quan hệ mật thiết với nhau, các lĩnh vực kinh tế đã được phát triển một cách toàn diện và triệt để, vì vậy học thuyết kinh tế của Các Mác đã nâng kinh tế chính trị lên đỉnh cao mới. Với tư cách này, các nhà kinh tế học Liên Xô coi học thuyết kinh tế của Các Mác là thành tựu cao nhất của kinh tế chính trị. Dù đồng ý hay không đồng ý với nhận xét của các nhà kinh tế học Liên Xô, nhưng rõ ràng Các Mác là một cây đại thụ, có ảnh hưởng lớn nhất từ trước tới nay và, nếu so sánh cũng chỉ so sánh với học thuyết của Adam Smit.

Hàng trăm năm sau học thuyết kinh tế của Các Mác, các phạm trù và quy luật phản ánh cái bên trong những quan hệ kinh tế vẫn sừng sững, chưa có một học thuyết nào sau Các Mác vượt tới. Họ chỉ vượt tới cái bên ngoài, nhưng không phải vượt tới toàn bộ mà từng phần, chỗ này, chỗ khác, làm cho nó hoàn hảo hơn. Sự phát triển của khoa học kinh tế chính trị sau Các Mác tới nay về cơ bản vẫn chưa có một sự thay đổi cách mạng và chưa có một học thuyết kinh tế nào về quy mô (lĩnh vực mà nó nghiên cứu) có tầm cỡ lớn như các học thuyết của Các Mác và Smit.

Học thuyết kinh tế của Keynes được coi là học thuyết kinh tế lớn nhất của thế kỷ thứ 20.

ng so với các học thuyết của Các Mác và Smit, nó có đối tượng nghiên cứu nhỏ hẹp hơn nhiều. Học thuyết Keynes chỉ quan tâm một phần của cái bên ngoài, cái phần mà trực tiếp liên quan đến u thông tiền tệ. Vì vậy hệ thống các phạm trù và quy luật kinh tế trong học thuyết Keynes chỉ ảnh hưởng một phần nổi bật nhất, cái lớp vỏ ngoài cùng của các quan hệ kinh tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Paul A. Samuelson, William D. Nordhaus - Kinh tế học, tập 1, Tr. 4. Viện Quan hệ quốc tế, 1989.
2. Các Mác - Tư bản, quyển 4, phần 2, trang 227. NXB Sự thật, Hà Nội, 1970.
3. Các Mác - Tư bản, quyển 4, phần 1, trang 227-228. NXB Sự thật, Hà Nội, 1969.
4. Các Mác, Ăng Ghen - Tuyển tập, tập 2, trang 589-632. NXB Sự thật, Hà Nội, 1981.

NU,H. JOURNAL OF SCIENCE, SOC. SCI., t.XI, n^o1, 1995

SOME THOUGHT ABOUT THE DOMINANT THEORIES OF ECONOMICS

PHAM VAN CHIEN

Faculty of Economics, Hanoi University

From the role of theories of economics based on the norms such as research object, research method, and system of economic categories and laws that have been found, there should be the following results:

So far, the theories of Adam Smith and Karl Mark have been the most dominant. The theory of Keynes has had much smaller research object, research method and system of economic categories and laws.